

MA TRẬN ĐỀ TOÁN – CUỐI HỌC KÌ I

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TL	TL	TN	TL
Số tự nhiên và phép tính với các số tự nhiên. Phân số và các phép tính với phân số.	Số câu	2			1			3	1
	Số điểm	0,5			2			1,5	2
	Câu số	1, 2, 4			1				
Đại lượng và đo đại lượng với các đơn vị đo đã học.	Số câu						1		1
	Số điểm						0,5		0,5
	Câu số						4		
Hình học	Số câu	1						1	
	Số điểm	0,5						0,5	
	Câu số	5							
Trung bình cộng	Số câu			1				1	
	Số điểm			0,5				0,5	
	Câu số			3					
<ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được vấn đề về số lần xuất hiện của 1 sự kiện. Đọc và mô tả được các số liệu của biểu đồ cột. Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được từ biểu đồ cột. Tính được giá trị trung bình của các số liệu trong bảng hay biểu đồ cột. 	Số câu			1	1			1	1
	Số điểm			0,5	1,5			0,5	1,5
	Câu số			7	2				
Tìm giá trị phân số của một số cho trước	Số câu	1		1			1	2	1
	Số điểm	0,5		0,5			2	1	2

	Câu số	8		6			3		
Tổng	Số câu	5		1	3		2	8	4
	Số điểm	2,5		1	5		2,5	4	6
Tỉ lệ % theo mức độ		25 %		50%		25%			

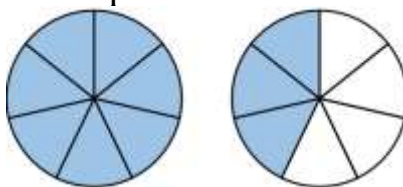
Họ và tên học sinh:Lớp 4.....

Họ tên người coi:.....	Họ và tên người chấm:
------------------------	-----------------------------

Điểm	Nhận xét của giáo viên

Phần I: Trắc nghiệm: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. (M1 - 0,5 điểm) Phân số chỉ số phần đã tô màu trong hình bên là phân số nào?



A. $\frac{3}{7}$

B. $\frac{10}{7}$

C. $\frac{5}{7}$

D. $\frac{5}{14}$

Câu 2. (M1 - 0,5 điểm) Giá trị cả chữ số 3 trong số 9 345 625 là bao nhiêu?

A. 300 000

B. 300

C. 3 000 000

D. 3

Câu 3. (M2 – 0,5 điểm) Ba bạn Nam, Hiếu và Quân có chiều cao lần lượt là 125 cm, 130 cm, 129 cm. Hỏi trung bình mỗi bạn cao bao nhiêu xăng-ti-mét?

A. 384 cm

B. 125 cm

C. 192 cm

D. 128 cm

Câu 4. (M1 – 0,5 điểm) Chữ số 3 trong số 246 398 thuộc hàng nào? Lớp nào?

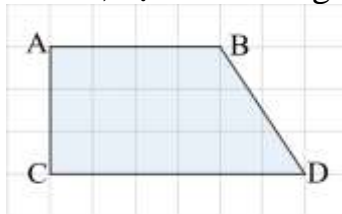
A. Hàng trăm, lớp trăm

B. Hàng trăm, lớp đơn vị

B. Hàng đơn vị, lớp đơn vị

D. Hàng chục, lớp đơn vị

Câu 5. (M1 - 0,5 điểm) Cho hình vẽ bên, cạnh AB song song với cạnh nào?



A. cạnh DC

B. cạnh AB

C. cạnh CB

D. cạnh AD

Câu 6. (M2 - 0,5 điểm) Trên cây có 18 quả hồng. Chào mào ăn hết $\frac{1}{3}$ số quả hồng. Vậy chào mào ăn hết bao nhiêu quả hồng?

A. 8 quả

B. 18 quả

C. 54 quả

D. 6 quả

Câu 7. (M2 – 0,5 điểm) Hà được xoay vòng quay may mắn để nhận một trong số ba món quà: 2 yến gạo nếp, 20 kg táo đỏ và 1 yến đậu đỏ. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Hà có thể nhận được 200 kg gạo nếp.
- B. Hà chắc chắn nhận được 20 kg đậu đỏ.
- C. Hà không thể nhận được 20kg táo xanh.
- D. Hà không thể nhận được 20 kg táo đỏ.

Câu 8. (M1 – 0,5 điểm) $\frac{3}{7}$ của 70 là số nào?

- A. 30
- B. 70
- C. 63
- D. 49

II. Phần tự luận. (6 điểm)

Câu 9. (M2 - 2 điểm) Tính.

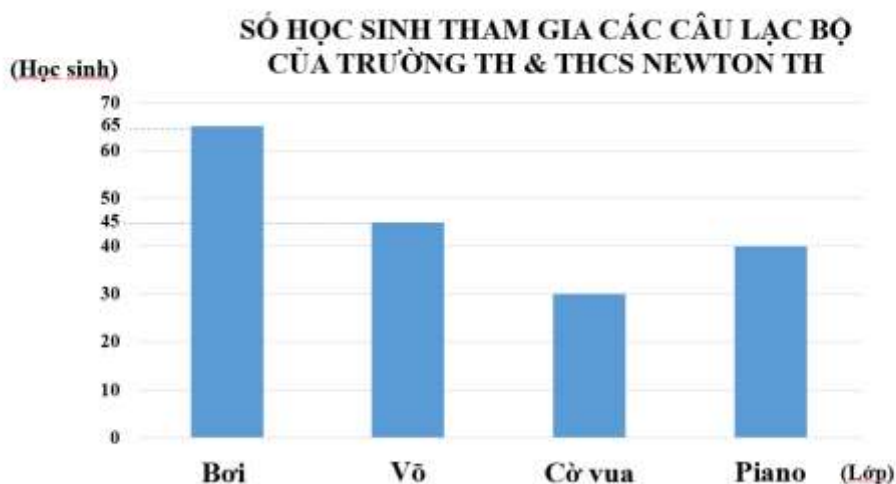
a. $\frac{7}{16} + \frac{3}{2} = \dots\dots\dots$

b. $\frac{71}{72} - \frac{3}{8} = \dots\dots\dots$

c. $\frac{2}{5} \times \frac{4}{3} = \dots\dots\dots$

d. $\frac{8}{11} : \frac{2}{11} = \dots\dots\dots$

Câu 10. (M2 – 1,5 điểm) Biểu đồ dưới đây cho biết số học sinh tham gia câu lạc bộ của trường TH & THCS Newton TH.



a. Mỗi lớp câu lạc bộ có bao nhiêu học sinh?

.....

b. Các lớp câu lạc bộ nào có nhiều hơn 30 học sinh?

.....

c. Trung bình mỗi lớp ngoại khóa có bao nhiêu học sinh?

.....

Câu 11. (M3 – 2 điểm). Người ta muốn làm hàng rào quanh một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 15 m và chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Nếu mỗi mét hàng rào tốn 30 000 đồng. Hỏi cần số tiền bao nhiêu để làm hàng rào?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 12. (M3 – 0,5 điểm) Có bốn người cần vượt qua sông bằng một chiếc thuyền nhỏ. Thuyền chỉ chở được tối đa 1 tạ. Cân nặng của từng người là: 45kg, 55kg, 54kg và 46kg. Biết rằng thuyền nhỏ đó cần ít nhất 1 người chèo thuyền và cả bốn người đều biết chèo thuyền. Hỏi bốn người đó cần làm thế nào để vượt qua sông?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Chúc con làm bài tốt!

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI MÔN TOÁN – LỚP 4

Phần I. Trắc nghiệm (4 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	D	B	A	D	C	A
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

Phần II. Tự luận (6 điểm)

Câu 9. (2 điểm)

a	$\frac{7}{16} + \frac{3}{2} = \frac{7}{16} + \frac{24}{16} = \frac{31}{16}$	0,5 điểm
b	$\frac{71}{72} - \frac{3}{8} = \frac{71}{72} - \frac{27}{72} = \frac{44}{72} = \frac{11}{18}$	0,5 điểm
c	$\frac{2}{5} \times \frac{4}{3} = \frac{8}{15}$	0,5 điểm
d	$\frac{8}{11} : \frac{2}{11} = \frac{8}{11} \times \frac{11}{2} = \frac{8}{2} = 4$	0,5 điểm

Câu 10. (1,5 điểm)

a	Bơi: 65 học sinh, võ: 45 học sinh, cờ vua: 30 học sinh, piano: 40 học sinh.	0,5 điểm
b	Lớp có nhiều hơn 30 học sinh là: Bơi, võ, piano	0,5 điểm
c	Trung bình mỗi lớp có: 45 học sinh.	0,5 điểm

Câu 11. (2,0 điểm)

Bài giải:

Chiều rộng của mảnh vườn hình chữ nhật là:	0,25 điểm
$15 \times \frac{2}{3} = 10 (m)$	0,25 điểm

Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là:	0,25 điểm
$(15 + 10) \times 2 = 50 \text{ (m)}$	0,25 điểm
Số tiền cần để làm hàng rào là:	0,25 điểm
$30\,000 \times 50 = 1\,500\,000 \text{ (đồng)}$	0,5 điểm
<u>Đáp số:</u> 1 500 000 đồng	0,25 điểm

Câu 12. (0, 5 điểm)

Đổi: 1 tạ = 100 kg

Ta có:

$$45 + 55 = 100 \text{ kg}$$

$$45 + 54 = 99 \text{ kg}$$

$$45 + 46 = 91 \text{ kg}$$

Vậy người nặng 45 kg sẽ chở lần lượt từng người còn lại qua sông để đảm bảo trên thuyền tổng cân nặng không quá 100 kg.

(Học sinh làm cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa)

